

Số: /2020/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình thuộc dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-BXD ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 43/TTr-SKHĐT ngày 23 tháng 4 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình thuộc dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2025 được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2025.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

**Điều 2.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2020.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: KHĐT, NNPTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đài Phát thanh TH tỉnh; Báo Lạng Sơn;
- Công thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM, TH-CB;
- Lưu: VT, KTN(PVĐ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Tiến Thiệu**

**PHỤ LỤC:**  
**ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI HẠNG MỤC, CÔNG TRÌNH**  
**THUỘC DỰ ÁN KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG**  
**THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2020-2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2020/QĐ-UBND ngày tháng 5  
năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình (1.000đ)
<b>1</b>	<b>Hệ thống điện</b>		
a	Đường dây trung thế đến trạm biến áp của dự án	1Km	130.000
b	Trạm biến áp của dự án		
-	Từ 50-100 KVA	Trạm	120.000
-	Từ 160-250 KVA	Trạm	150.000
-	Từ 320-560 KVA	Trạm	180.000
<b>2</b>	<b>Xây dựng mặt đường giao thông</b>		
a	Mặt đường BTXM M250 dày 18 cm, móng cấp phối đá dăm dày 18 cm	1m <sup>2</sup>	230
b	Mặt đường bê tông nhựa chặt C12.5cm, dày 5 cm, móng cấp phối đá dăm dày 30 cm	1m <sup>2</sup>	250
c	Mặt đường láng nhựa 3 lớp dày 3,5 cm, T/C nhựa 4,5 kg/m <sup>2</sup> , móng cấp phối đá dăm dày 30 cm	1m <sup>2</sup>	200
d	Mặt đường láng nhựa 3 lớp dày 3,5 cm, T/C nhựa 4,5 kg/m <sup>2</sup> , móng cào bóc tái sinh nguội tại chỗ dày 20 cm	1m <sup>2</sup>	130
đ	Mặt đường láng nhựa 3 lớp dày 3,5 cm, T/C nhựa 4,5 kg/m <sup>2</sup> , móng gia cố đất + xi măng + tro bay dày 20 cm	1m <sup>2</sup>	100
e	Mặt đường láng nhựa 3 lớp dày 3,5 cm, T/C nhựa 4,5 kg/m <sup>2</sup>	1m <sup>2</sup>	80
<b>3</b>	<b>Nhà xưởng</b>		
a	Nhà xưởng, nhà kho (nhà kiên cố cấp 4 trở lên, cao từ 5 m trở lên)	1m <sup>2</sup> sàn	1.300
b	Nhà xưởng, nhà kho (nhà kiên cố cấp 4	1m <sup>2</sup> sàn	1.000

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình (1.000đ)
	trở lên, cao dưới 5 m)		
c	Chuồng trại	1m <sup>2</sup> sàn	500
<b>4</b>	<b>Đường ống cung cấp nước sạch</b>		
a	Hỗ trợ đường ống kim loại dẫn đến các khu vực dân cư có từ 10 hộ trở lên (gang dẻo, thép mạ kẽm)	1m	300
b	Hỗ trợ đường ống nhựa HDPE dẫn đến các khu vực dân cư có từ 10 hộ trở lên	1m	200
<b>5</b>	<b>Xử lý chất thải</b>		
a	Bể lắng, bể sục khí (vật liệu bê tông, xây gạch)	1m <sup>3</sup>	2.200
b	Hồ chứa nước (có lát tấm bê tông xung quanh)	1m <sup>3</sup>	70
c	Đường ống (có đường kính tối thiểu 50 mm; vật liệu nhựa, kim loại, bê tông)	1m	120
d	Máy bơm công suất 1m <sup>3</sup> /giờ	máy	1.200
<b>6</b>	<b>Xây dựng đồng ruộng</b>		
a	Nhà kính	1m <sup>2</sup>	50
b	Nhà lưới, nhà màng	1m <sup>2</sup>	35
c	Tưới phun, tưới nhỏ giọt	1m <sup>2</sup>	30

**Ghi chú:** Đối với việc hỗ trợ thiết bị thực hiện thẩm định giá theo quy định tại thời điểm nghiệm thu dự án./.